



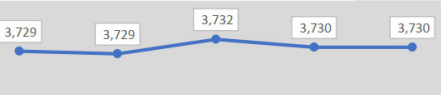
BẢN TIN TUẦN IPC

Số 51/21, 13-17/12/2021

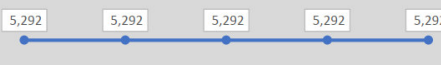
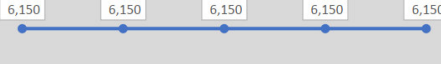
THÔNG TIN NỔI BẬT TRONG TUẦN

01. Thế giới - Thị trường tuần này cho thấy phản ứng trái chiều với Sri Lanka ghi nhận sự tăng mạnh.
02. Ấn Độ - Giá Hồ tiêu Ấn Độ tiếp tục giảm trong tuần này do sự suy yếu của đồng Rupee Ấn Độ so với USD/tấn (17,13 INR/USD/tấn), giảm 1%.
03. Indonesia - Giá tiêu nội địa và quốc tế của Indonesia giảm nhẹ trong tuần này.
04. Malaysia - Giá tiêu nội địa và quốc tế của Malaysia ổn định trong tuần này.
05. Sri Lanka - Giá tiêu nội địa tiếp tục xu hướng tăng kể từ tháng 10.
06. Việt Nam - Tiêu trắng nội địa Việt Nam tăng trong tuần này. Trong khi các loại khác ghi nhận sự sụt giảm khi thị trường dường như không hoạt động.
07. USA - Giá tiếp tục điều chỉnh giảm với lượng giao dịch trong 2 tuần qua. Tiêu trắng Muntok tại thị trường Hoa Kỳ theo giá CF trong tháng 10 ở mức 7.700 USD/tấn.
08. Xuất khẩu Hồ tiêu của Bungari (2019-2021).

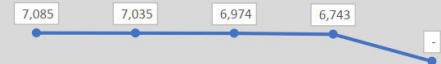
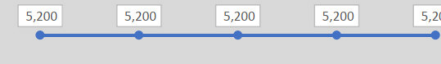
GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU ĐEN - USD/tấn

Nguồn		Giá hàng ngày (13-17/12/2021)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
	Ex-Kochi		6,696 - 6,919	-3% 
	Ex-Lampung		3,730 - 3,754	-1% 
	Ex-Kuching		3,559 - 3,562	0% 
	Ex- HCM		3,521 - 3,548	-1% 
	Sri Lanka		5,569 - 5,336	4% 

GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (13-17/12/2021)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Pangkal Pinang		6,379 - 6,430	-1% 
 Ex-Kuching		6,120 - 6,125	0% 
 Ex-HCM		5,292 - 5,231	1% 
 Ex-Hainan		6,150 - 6,150	0% 

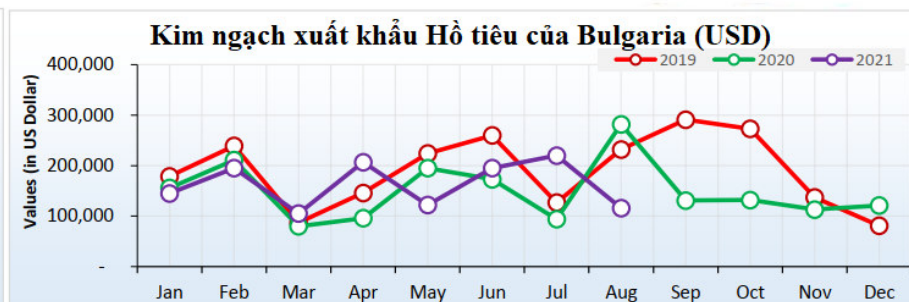
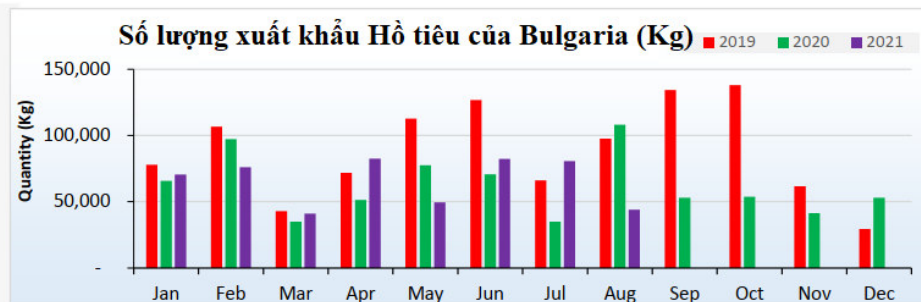
GIÁ FOB TIÊU ĐEN - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (13-17/12/2021)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi ASTA		6,959 - 7,184	-3% 
 Lampung ** ASTA		4,422 - 4,449	-1% 
 Kuching ASTA		5,200 - 5,200	0% 
 Ho Chi Minh 500g/l		4,190 - 4,270	-2% 
 Ho Chi Minh 550g/l		4,290 - 4,370	-2% 

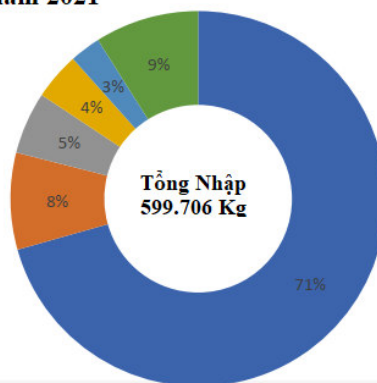
GIÁ FOB TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (13-17/12/2021)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Pangkal Pinang FAQ		7,344 - 7,401	-1% 
 Kuching ASTA		7,600 - 7,600	0% 
 Ho Chi Minh FAQ		6,400 - 6,480	-1% 
 Haikou FAQ		6,350 - 6,350	0% 

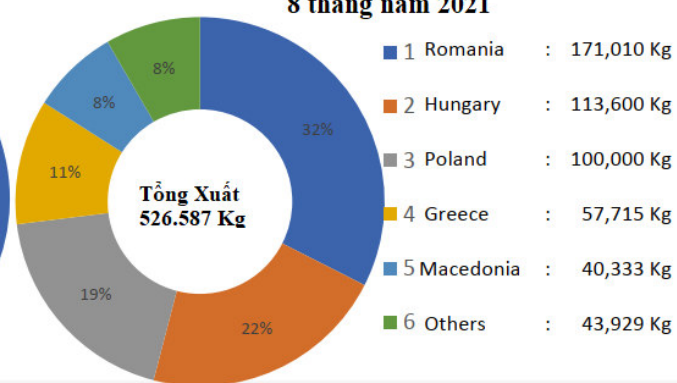
NHẬP KHẨU HỒ TIÊU CỦA CỘNG HÒA BULGARIA



5 quốc gia cung cấp Hồ tiêu lớn nhất của Bulgaria 8 tháng năm 2021



5 thị trường lớn nhất nhập khẩu Hồ tiêu từ Bulgaria 8 tháng năm 2021



Tỉ lệ Nhập : Xuất = 1,1 : 1

Xuất khẩu Hồ tiêu của Bulgaria (2019-2021)		<u>2019</u>	<u>2020</u>	<u>2021*</u>
	Tổng lượng xuất (kg)	771,876	942,668	526,555
	Tổng trị giá xuất ('000 \$)	\$6,910	\$4,898	\$3,839
	Tiêu hạt	33%	61%	51%
	Tiêu xay	67%	39%	49%
Chênh lệch (%)		n.a	22%	64%
	Tiêu hạt	\$10.85	\$4.16	\$7.98
	Tiêu xay	\$8.00	\$6.82	\$6.58

* Tính đến tháng 5/2021

GIÁ MUA TẠI NEW YORK (USD/tấn)

LOẠI	GIÁ CF TƯƠNG LAI	
	TUẦN NÀY	TUẦN TRƯỚC
Malabar black (Garbled 1)	n.a	n.a
Lampung black (ASTA)	n.a	n.a
Sri Lanka black	n.a	n.a
Brazil black (ASTA)	n.a	n.a
Sarawak black (YL)	n.a	n.a
Viet Nam black (ASTA)	n.a	n.a
Muntok white (DW)	n.a	n.a
Muntok white (FAQ)	n.a	n.a
Sulawesi Soroako white	n.a	n.a
Sarawak white (BL)	n.a	n.a
Viet Nam white (DW)	n.a	n.a

Tỷ giá /USD	China (CNY)	India (INR)	Indonesia (IDR)	Malaysia (MYR)	Viet Nam (VND)	Sri Lanka (LKR)
Tuần này	6.37	76.13	14,343	4.22	23,150	201.46
Tuần trước	6.39	74.95	14,180	4.15	23,778	201.82